

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 05/8/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Dương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Kiên Cường**.

Ông **Hà Văn Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sơn** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Thị Thêu** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2020/TLST - KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần C**. Địa chỉ: số 108, Trần Hưng Đ, quận Hoàn K, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bà Lý Thị Bích H - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP - Chi nhánh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B**. Địa chỉ: Tổ 6, phường Nguyễn Thị Minh Kh, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật là bà Phan Thị Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn Th1**, sinh năm 1961.

2. Bà **Phan Thị Th**, sinh năm 1963.

Đều trú tại: Tổ 6, phường Nguyễn Thị Minh Kh, thành phố B, tỉnh B. Có mặt.

3. Anh **Nguyễn Văn D**.

4. Chị **Vũ Thị H**.

Đều trú tại: Tổ 2, thị trấn Ch (nay là thị trấn Đ), huyện Chợ M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B (sau đây viết tắt là Công ty) và Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

** Hợp đồng tín dụng: số 01.05/2014-HĐTDDA/NHCT172 - ĐTTM&DV ngày 20/05/2014 có nội dung: Số tiền cam kết cho vay không vượt quá: 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án. Thời hạn giải ngân: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Kỳ tính lãi đầu tiên là 11% và được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Phí và các thỏa thuận khác. Công ty đã rút số tiền vay 1.280.000.000 đồng ngày 20/5/2014.*

** Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.06/2017-HĐTĐHM/NHCT172-ĐTTM&DV BẮC KẠN ngày 19/06/2017 có nội dung: Hạn mức cho vay: Trong thời hạn duy trì hạn mức tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 4.400.000.000đ (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng). Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 19/06/2017 đến ngày 19/06/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trong giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phí và các thỏa thuận khác. Công ty đã rút số tiền vay 5.966.115.150 đồng theo 54 giấy nhận nợ, cụ thể như sau:*

Số giấy nhận nợ	Ngày vay	Số tiền Giải ngân	Thời hạn vay	Lãi suất
1	22/06/2017	83,000,000	06 tháng	Thả nổi
2	22/06/2017	230,000,000	06 tháng	Thả nổi
3	23/06/2017	86,700,000	06 tháng	Thả nổi
4	26/06/2017	158,000,000	06 tháng	Thả nổi
5	27/06/2017	65,000,000	06 tháng	Thả nổi
6	29/06/2017	34,531,400	06 tháng	Thả nổi
7	30/06/2017	163,000,000	06 tháng	Thả nổi
8	03/7/2017	155,000,000	06 tháng	Thả nổi
9	05/7/2017	32,000,000	06 tháng	Thả nổi
10	18/07/2017	197,800,000	06 tháng	Thả nổi
11	26/07/2017	103,000,000	06 tháng	Thả nổi
12	23/08/2017	223,816,200	06 tháng	Thả nổi
13	29/08/2017	72,292,000	06 tháng	Thả nổi

14	15/09/2017	154,000,000	06 tháng	Thả nổi
16	18/09/2017	128,000,000	06 tháng	Thả nổi
17	21/09/2017	26,388,600	06 tháng	Thả nổi
18	25/09/2017	93,000,000	06 tháng	Thả nổi
19	27/09/2017	110,000,000	06 tháng	Thả nổi
20	04/10/2017	73,000,000	06 tháng	Thả nổi
21	05/10/2017	160,000,000	06 tháng	Thả nổi
22	06/10/2017	367,000,000	06 tháng	Thả nổi
23	11/10/2017	109,000,000	06 tháng	Thả nổi
24	12/10/2017	43,000,000	06 tháng	Thả nổi
25	16/10/2017	88,000,000	06 tháng	Thả nổi
26	17/10/2017	52,000,000	06 tháng	Thả nổi
27	20/10/2017	43,000,000	06 tháng	Thả nổi
28	6/11/2017	148,000,000	06 tháng	Thả nổi
29	13/11/2017	79,719,300	06 tháng	Thả nổi
30	05/12/2017	198,000,000	06 tháng	Thả nổi
31	06/12/2017	54,000,000	06 tháng	Thả nổi
32	14/12/2017	222,000,000	06 tháng	Thả nổi
33	20/12/2017	51,000,000	06 tháng	Thả nổi
34	27/12/2017	206,000,000	06 tháng	Thả nổi
35	28/12/2017	207,000,000	06 tháng	Thả nổi
36	28/12/2017	157,000,000	06 tháng	Thả nổi
37	09/01/2018	112,000,000	06 tháng	Thả nổi
38	12/1/2018	96,000,000	06 tháng	Thả nổi
39	17/01/2018	80,000,000	06 tháng	Thả nổi
40	18/01/2018	97,000,000	06 tháng	Thả nổi
41	22/01/2018	70,000,000	06 tháng	Thả nổi
42	26/01/2018	52,000,000	06 tháng	Thả nổi
43	26/01/2018	73,000,000	06 tháng	Thả nổi
44	31/01/2018	103,000,000	06 tháng	Thả nổi
45	08/02/2018	55,000,000	06 tháng	Thả nổi
46	13/02/2018	75,000,000	06 tháng	Thả nổi
47	05/3/2018	77,867,650	06 tháng	Thả nổi
48	07/3/2018	138,000,000	06 tháng	Thả nổi
49	16/03/2018	80,000,000	06 tháng	Thả nổi
50	27/03/2018	138,000,000	06 tháng	Thả nổi
51	03/4/2018	78,000,000	06 tháng	Thả nổi
52	05/4/2018	50,000,000	06 tháng	Thả nổi
53	06/4/2018	78,000,000	06 tháng	Thả nổi
54	12/4/2018	60,000,000	06 tháng	Thả nổi
55	13/04/2018	80,000,000	06 tháng	Thả nổi
TỔNG CỘNG		5,966,115,150		

Các hợp đồng trên được bảo đảm bằng nhiều tài sản thế chấp, tuy nhiên tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện các bên đã giải chấp một số tài sản thế chấp chỉ còn các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất diện tích 100m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, thửa đất số 585, tờ bản đồ số 11 và nhà xây trên đất, tại địa chỉ: Tổ 11A (nay tổ 13), phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, mang tên hộ ông Nguyễn Thạch T và bà Nguyễn Ánh T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB711008 do UBND tỉnh thị xã B (nay thành phố B) cấp ngày 08/09/2005 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01.05.2014/HĐTC - CN ngày 19/05/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Thạch T, bà Nguyễn Ánh T1, chị Nguyễn Thị Hải Y.

2. Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, BKS số 97A-001.6x, loại xe: VIOS, sản xuất năm 2011, số khung: B9516712, số máy: 1ZNY441371 mang tên bà Phan Thị Th, theo đăng ký xe ô tô số 001005 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 07/12/2011, cấp lần đầu ngày 05/12/2011 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh B và ông Nguyễn Văn Th1, bà Phan Thị Th.

3. Tài sản gắn liền với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08, tại tổ 03, thị trấn Ch (nay là thị trấn Đ), huyện Chợ M, tỉnh B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK200097 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 17/03/2014, mang tên Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B cho dù tài sản đó đang được bên thế chấp sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai. Tại thời điểm ký hợp đồng là 01 cửa hàng thương nghiệp theo giấy phép xây dựng số 01/2012/GPXD do UBND huyện Chợ M cấp ngày 10/01/2012 là công trình nhà cấp 4 dân dụng, diện tích xây dựng 580m², diện tích sàn là 704m², kết cấu khung, cột bê tông cốt thép chịu lực kết hợp với tường xây gạch, sàn đồ bê tông, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai số 01.12.2016/HĐTC-DN ngày 02/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh B và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B.

Các Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay Công ty đã trả được một phần nợ gốc và lãi nhưng sau đó vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B phải trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng vay vốn tính đến ngày 05/11/2019 là 2.742.366.726đ (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 2.215.381.412 đồng; nợ lãi: 386.851.527 đồng; nợ lãi quá hạn: 140.133.787 đồng.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Thạch T, bà Nguyễn Ánh T1 đã thỏa thuận về việc bán tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 585, tờ bản đồ số 11 và nhà xây trên đất, tại địa chỉ: Tổ 11A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, số tiền bán tài sản là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Giữa Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận về việc bán tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08, tại tổ 03, thị trấn Ch, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn, số tiền bán tài sản là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền bán tài sản thế chấp trên đã được trả vào nợ gốc của Công ty. Vì các tài sản thế chấp trên đã xử lý xong, Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu phát mại các tài sản này. Trước phiên tòa giữa Ngân hàng với Công ty đã làm việc và giải quyết xong các vấn đề vướng mắc giữa các bên, do phía Công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên Ngân hàng sẽ tạo điều kiện để Công ty trả nợ dần theo kỳ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 05/8/2020 với tổng số tiền là 1.307.857.126 đồng, trong đó: Nợ gốc là 615.380.762 đồng; nợ lãi trong hạn là 497.178.823 đồng; nợ lãi quá hạn 195.297.541 đồng và khoản lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Về phương thức thanh toán: Ngân hàng đề nghị Công ty trả làm các kỳ sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2020 trả số tiền nợ gốc 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 30/6/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 30/9/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 4: Ngày 31/12/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 5: Ngày 31/3/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 6: Ngày 30/6/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 7: Ngày 30/9/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 8: Ngày 31/12/2022 trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phát sinh sau ngày xét xử còn lại.

Trường hợp Công ty không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 97A - 001.6x, loại xe VIOS, sản xuất năm 2011, số khung: B9516712, số máy: 1ZNY441371, mang

tên bà Phan Thị Th, theo đăng ký xe ô tô số 001005 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 07/12/2011, cấp lần đầu ngày 05/12/2011 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Văn Th1, bà Phan Thị Th để Ngân hàng thu hồi nợ.

Về việc Công ty đề nghị miễn số tiền lãi Ngân hàng không chấp nhận, trường hợp sau này trong giai đoạn thi hành án Công ty trả nợ gốc theo đúng tiến độ thì Ngân sẽ xem xét việc giảm, miễn lãi theo quy định của Ngân hàng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn số tiền theo hợp đồng tín dụng số 01.05/2014-HĐTDDA/NHCT172 - ĐTTM&DV ngày 20/05/2014, hợp đồng cho vay hạn mức số 19.06/2017-HĐTDHM/NHCT172-ĐTTM&DV BẮC KẠN ngày 19/06/2017 và thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp như Ngân hàng đã trình bày.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Thạch T, bà Nguyễn Ánh T1, Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B đã thỏa thuận về việc bán tài sản thế chấp, số tiền bán tài sản đã sử dụng trả nợ cho Công ty. Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu phát mại đối các tài sản này phía Công ty không có ý kiến gì.

Trước đây do Công ty chưa nhận được đủ hồ sơ, tài liệu từ Ngân hàng cũng như làm việc với Ngân hàng để đối chiếu, chốt công nợ nên Công ty không có ý kiến gì về số tiền nợ và việc xử lý tài sản thế chấp. Ngày 14/7/2020 giữa Công ty với Ngân hàng đã làm việc và giải quyết xong các vấn đề vướng mắc giữa các bên.

Tại phiên tòa, về số tiền nợ Công ty xác nhận số tiền nợ theo các hợp đồng vay Ngân hàng tính đến ngày 05/8/2020 là 1.307.857.126 đồng, trong đó: Nợ gốc là 615.380.762 đồng; nợ lãi trong hạn là 497.178.823 đồng; nợ lãi quá hạn 195.297.541 đồng. Công ty nhất trí trả số nợ gốc theo các kỳ sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2020 trả số tiền nợ gốc 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 30/6/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 30/9/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 4: Ngày 31/12/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 5: Ngày 31/3/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 6: Ngày 30/6/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 7: Ngày 30/9/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 8: Ngày 31/12/2022 trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại.

Về số tiền lãi do phía Công ty đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị Ngân hàng miễn số tiền lãi cho Công ty.

Về việc xử lý tài sản thế chấp, khoản vay của Công ty hiện nay còn một tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 97A - 001.6x theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Văn Th1, bà Phan Thị Th, nếu sau này Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty nhất trí việc Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mại.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th, ông Nguyễn Văn Th1 trình bày:*

Ông, bà thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 97A-001.6x, loại xe: VIOS, sản xuất năm 2011, số khung: B9516712, số máy: 1ZNY441371 mang tên bà Phan Thị Th theo đăng ký xe ô tô số 001005 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 07/12/2011 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn.

Chiếc xe ô tô biển kiểm soát số 97A-001.6x là tài sản thuộc quyền sử hữu, sử dụng của cá nhân bà Th. Vì tiền mua chiếc xe là của cá nhân bà Th, ông Th1 không đóng góp và giấy đăng ký xe ô tô mang tên cá nhân bà Th. Việc ông Th1, bà Th cùng ký kết hợp đồng thế chấp là do cán bộ Ngân hàng yêu cầu cả hai vợ chồng ông bà ký. Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì ông, bà đang thỏa thuận với người mua và Ngân hàng để được giải chấp chiếc xe và không nhất trí việc Ngân hàng phát mại.

Tại phiên tòa, giữa Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ nên ông bà đề nghị sau này được tự bán chiếc xe, số tiền bán xe sẽ trả vào nợ gốc của Công ty. Trường hợp Công ty không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông, bà nhất trí phát mại tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô biển kiểm soát số 97A-001.6x theo hợp đồng thế chấp ông, bà đã ký kết với Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị H trình bày:*

Anh, chị là nhân viên Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B, hiện nay đang làm việc và sinh sống tại Chi nhánh cửa hàng thuộc tổ 02, thị trấn Đ, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình sinh sống tại cửa hàng để tiện cho việc sinh hoạt anh chị có bỏ tiền ra lắp ráp phần mái tôn, khung sắt có diện tích là 100,8m² và lán nền xi măng phía hiên sau cửa hàng. Việc anh chị đầu tư thêm vào tài sản của công ty đã được sự cho phép của bà Phan Thị Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc công ty.

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh chị đã thỏa thuận với Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B về việc mua lại tài sản gắn liền với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08 là tại tổ 03, thị trấn Ch (nay là thị trấn Đ), huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn mà Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng. Hiện nay tài sản thế chấp đã được giải chấp, Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu phát mại tài sản này thì anh chị không có ý kiến gì.

Nay Ngân hàng khởi kiện anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, ý kiến gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu xử lý đối với các tài sản thế chấp các bên đã tự thống nhất xử lý xong và nguyên đơn đã tự nguyện rút phần yêu cầu.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay hạn mức đã ký kết.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, biển kiểm soát số 97A-001.6x theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Văn Th1, bà Phan Thị Th để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam khởi kiện bị đơn Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Bắc Kạn có địa chỉ tại: Tổ 6, phường Nguyễn Thị Minh Kh, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn về việc

thực hiện hợp đồng tín dụng. Yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó xác định đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh D, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

*** Về hợp đồng tín dụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các bên đã ký kết với nhau các hợp đồng vay vốn sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 01.05/2014-HĐTDDA/NHCT172 - ĐTTM&DV ngày 20/05/2014 có nội dung: Số tiền cam kết cho vay không vượt quá: 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng). Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án. Thời hạn giải ngân: Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất trong hạn: Kỳ tính lãi đầu tiên là 11% và được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Phí và các thỏa thuận khác.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.06/2017-HĐTDHM/NHCT172-ĐTTM&DV BẮC KẠN ngày 19/06/2017 có nội dung: Trong thời hạn duy trì hạn mức tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 4.400.000.000đ (Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng). Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 19/06/2017 đến ngày 19/06/2018. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trong giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phí và các thỏa thuận khác.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, về phía Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và đã thực hiện việc cho vay theo các cam kết cho Công ty, cụ thể: Ngày 20/5/2014, đã thực hiện giải ngân cho bị đơn số tiền là 1.280.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) theo giấy nhận nợ số 01 ngày 20/5/2014; từ ngày 22/6/2017 đến ngày 13/4/2018 đã thực hiện giải ngân cho bị đơn số tiền là 5.966.115.150đ (Năm tỷ, chín trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm mười lăm nghìn, một trăm năm mươi đồng) theo 54 giấy nhận nợ, do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay nên Ngân hàng đã chấm dứt cho vay và ra thông báo thu hồi nợ là đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Về phía Công ty, quá trình thực hiện các hợp đồng vay đã trả cho Ngân hàng một phần nợ gốc và tiền lãi, tuy nhiên sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo các hợp đồng vay và các giấy nhận nợ.

Xét thấy, việc ký kết các hợp đồng trên giữa các bên đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các hợp đồng tín dụng đã hết hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm khởi kiện, Ngân hàng chốt tổng số tiền nợ tính đến ngày 05/11/2019 là 2.742.366.726 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.215.381.412 đồng; nợ lãi: 386.851.527 đồng; nợ lãi quá hạn: 140.133.787 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì giữa Ngân hàng và bên thế chấp đã thỏa thuận về việc bán tài sản thế chấp, số tiền bán tài sản thế chấp là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) đã được trừ vào tiền nợ gốc của bị đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 05/8/2020 với tổng số tiền là 1.307.857.126 đồng, trong đó: Nợ gốc là 615.380.762 đồng; nợ lãi trong hạn là 497.178.823 đồng; nợ lãi quá hạn 195.297.541 đồng và khoản lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Về phương thức thanh toán: Ngân hàng đề nghị Công ty trả làm các kỳ sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2020 trả số tiền nợ gốc 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 30/6/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 30/9/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 4: Ngày 31/12/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 5: Ngày 31/3/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 6: Ngày 30/6/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 7: Ngày 30/9/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 8: Ngày 31/12/2022 trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phát sinh sau ngày xét xử còn lại.

Xét thấy, yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của các hợp đồng vay đã ký kết, phù hợp với các giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền, các sao kê giao dịch tài khoản tiền vay, phù hợp với bản kê chi tiết giải ngân thu nợ của Công ty và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Lãi xuất do nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định trong hợp đồng ký kết giữa các bên,

phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp qui định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời vay, thời điểm điều chỉnh và qui định của Bộ luật dân sự về lãi suất. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*** Về các hợp đồng thế chấp:**

1. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 01.05.2014/HĐTC - CN ngày 19/05/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Thạch T, bà Nguyễn Ánh T1, chị Nguyễn Thị Hải Y. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 100m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, thửa đất số 585, tờ bản đồ số 11 và nhà xây trên đất, tại địa chỉ: Tổ 11A phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, mang tên hộ ông Nguyễn Thạch T và bà Nguyễn Ánh T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB711008 do UBND tỉnh thị xã B cấp ngày 08/09/2005.

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai số 01.12.2016/HĐTC-DN ngày 02/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B. Tài sản thế chấp là: Tài sản gắn liền với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08 là tại tổ 03, thị trấn Ch, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK200097 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 17/03/2014, mang tên Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B do dù tài sản đó đang được bên thế chấp sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai. Tại thời điểm ký hợp đồng là 01 cửa hàng thương nghiệp theo giấy phép xây dựng số 01/2012/GPXD do UBND huyện Chợ M cấp ngày 10/01/2012 là công trình nhà cấp 4 dân dụng, diện tích xây dựng 580m², diện tích sàn là 704m², kết cấu khung, cột bê tông cốt thép chịu lực kết hợp với tường xây gạch, sàn đổ bê tông, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn.

Các tài sản thế chấp trên Hội đồng xét xử không xem xét, vì tài sản thế chấp đã được các bên tự thống nhất xử lý xong và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tự nguyện rút phần yêu cầu này. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

2. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 02.05.2014/HĐTC - DN ngày 14/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Văn Th1, bà Phan Thị Th. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, BKS số 97A-001.6x, loại xe: VIOS, sản xuất năm 2011, số khung: B9516712, số máy: 1ZNY441371 mang tên bà Phan Thị Th, theo đăng ký xe ô tô số 001005 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 07/12/2011, cấp lần đầu ngày 05/12/2011.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đề nghị được phát mại chiếc xe ô tô trong trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

Ông Th1, bà Th đều cho rằng: Chiếc xe ô tô là tài sản thuộc quyền sử hữu, sử dụng của cá nhân bà Th. Vì tiền mua chiếc xe là của cá nhân bà Th, ông Th không đóng góp và giấy đăng ký xe ô tô mang tên cá nhân bà Th, việc ông bà cùng ký kết hợp đồng thế chấp là do cán bộ Ngân hàng yêu cầu cả hai vợ chồng bà ký tuy nhiên không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình. Ông Th, bà Th đều khẳng định việc ông bà ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép gì, nay giữa Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ nên ông bà đề nghị được tự bán chiếc xe, số tiền bán xe sẽ trả vào nợ gốc của Công ty. Trường hợp Công ty không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông bà nhất trí việc phát mại chiếc xe.

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản đã được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã đăng ký thế chấp và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/7/2014 theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp dù là tài sản riêng hay tài sản chung sẽ được phát mại nếu đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng vay đã ký kết. Do vậy, nguyên đơn đề nghị được phát mại chiếc xe ô tô trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 157 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, 122, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.05.2014/HĐTC - CN ngày 19/05/2014 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và ông Nguyễn Thạch T, bà Nguyễn Ánh T1, chị Nguyễn Thị Hải Y (tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 100m² đất ở đô thị, thửa đất số 585, tờ bản đồ số 11 và nhà

xây trên đất, tại địa chỉ: Tổ 11A (nay tổ 13), phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, mang tên hộ ông Nguyễn Thạch T và bà Nguyễn Ánh T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB711008 do UBND tỉnh thị xã B (nay thành phố B) cấp ngày 08/09/2005).

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai số 01.12.2016/HĐTC-DN ngày 02/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B (Tài sản thế chấp là: Tài sản gắn liền với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08 là tại tổ 03, thị trấn Ch, huyện Chợ M, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK200097 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 17/03/2014, mang tên Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 01.05/2014-HĐTDDA/NHCT172 - ĐTTM&DV ngày 20/05/2014 giữa Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bắc Kạn và Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.06/2017-HĐTDHM/NHCT172-ĐTTM&DV BẮC KẠN ngày 19/06/2017 giữa Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ B với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bắc Kạn tính đến ngày 05/8/2020 là 1.307.857.126đ (Một tỷ, ba trăm linh bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là 615.380.762đ (Sáu trăm mười lăm triệu, ba trăm tám mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng); nợ lãi trong hạn là 497.178.823đ (Bốn trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng); nợ lãi quá hạn 195.297.541đ (Một trăm chín mươi năm triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).

Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 06/8/2020 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi xuất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp hạn mức.

Về phương thức thanh toán theo các kỳ sau:

Lần 1: Ngày 07/9/2020 trả số tiền nợ gốc 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 30/6/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 3: Ngày 30/9/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 4: Ngày 31/12/2021 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 5: Ngày 31/3/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 6: Ngày 30/6/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 7: Ngày 30/9/2022 trả số tiền nợ gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng);

Lần 8: Ngày 31/12/2022 trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi phát sinh sau ngày xét xử còn lại.

2.2. Trong trường hợp Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Bắc K không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, BKS số 97A-001.6x, loại xe: VIOS, sản xuất năm 2011, số khung: B9516712, số máy: 1ZNY441371 mang tên bà Phan Thị Th, theo đăng ký xe ô tô số 001005 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 07/12/2011, cấp lần đầu ngày 05/12/2011 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C tự nguyện chịu 51.235.713đ (Năm mươi một triệu, hai trăm ba mươi năm nghìn, bảy trăm mười ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ số tiền 43.423.667đ (Bốn mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000030 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, còn phải chịu tiếp số tiền 7.812.046đ (Bảy triệu, tám trăm mười hai nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng)

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TATND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THAND thành phố;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu TA.

Trần Thị Dương